

# TÁC ĐỘNG CỦA QUẢN TRỊ HÀNH CHÍNH CÔNG ĐỐI VỚI KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

## THE IMPACT OF PROVINCIAL ADMINISTRATIVE GOVERNANCE ON VIETNAM'S REGIONAL GROWTH PERFORMANCE

Ngày nhận bài: 27/02/2020

Ngày chấp nhận đăng: 30/03/2020

*Lê Thông Tiến, Võ Thị Thúy Kiều, Lê Hoàng Anh, Nguyễn Thị Như Ý*

### TÓM TẮT

Ứng dụng hàm Cobb–Douglas, bài nghiên cứu thiết kế mô hình thực nghiệm dưới dạng bảng động và sử dụng phương pháp ước lượng D-GMM để kiểm tra tác động của các chỉ số quản trị hành chính công đối với kinh tế địa phương ở Việt Nam. Bộ dữ liệu nghiên cứu gồm 63 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương được thu thập trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2018. Bằng chứng thống kê tìm được củng cố mạnh mẽ cho vai trò của hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh. Các chỉ số PCI và PAPI đại diện cho thể chế quản trị hành chính công giải thích tốt cho sự thay đổi kinh tế địa phương. Kết quả nghiên cứu cũng xem xét ảnh hưởng của các chỉ số nội dung thành phần của PAPI. Trong khi sự Tham gia của người dân ở cấp cơ sở và Trách nhiệm giải trình với người dân đều cho thấy có những ảnh hưởng tích cực, Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định lại có mối tương quan nghịch chiều.

**Từ khóa:** D-GMM, PAPI, PCI, quản trị hành chính công.

### ABSTRACT

Applying Cobb – Douglas function, the paper designed experimental models in the form of Dynamic Panel Data and using D-GMM estimation to examine the impact of provincial administrative governance indicators on the regional growth performance in Vietnam. The researching dataset of 63 provinces and cities directly under the Central Government was collected from 2012 to 2018. The statistical evidence found strongly strengthened the role of public administrative governance efficiency. The PCI and PAPI are employed as proxies of provincial administrative governance, explaining the regional growth performance. The research results also considered the impact of PAPI's component index of content. While Participation at Local Levels and Vertical Accountability had found positive effects, Transparency was recorded negatively correlation.

**Keywords:** D-GMM, PAPI, PCI, provincial administrative governance.

## 1. Giới thiệu

Trong khi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đại đang tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, nền hành chính công cũng cần được đổi mới và vượt qua những thử thách ngày một phức tạp hơn. Những nghiên cứu về khả năng quản trị hành chính công ở địa phương cũng được thực hiện để giải quyết những yêu cầu thực tiễn thiết yếu phục vụ cho việc cải cách hệ thống quản trị hành chính công một cách đồng bộ và hiệu quả ở Việt Nam. Manning & ctg (2006) đã cho rằng các nhà kinh tế có nhiều cách tiếp cận khác nhau để diễn giải

các quan điểm cơ bản của quản trị công. Phương pháp đo lường quản trị công được cho là một vấn đề rất phức tạp và để lại rất nhiều những tranh luận cần tiếp tục giải đáp (Rotberg, 2004). Mặt khác, sự ra đời của hai bộ chỉ số liên quan đến chất lượng thể chế ở

---

Lê Thông Tiến, Ủy ban Kiểm tra Quận ủy Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh  
Võ Thị Thúy Kiều, Lê Hoàng Anh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh  
Nguyễn Thị Như Ý, Ủy ban Kiểm tra Quận ủy Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

địa phương là PAPI và PCI cũng góp phần thúc đẩy sự quan tâm nhiều hơn của công chúng cũng như những nhà phân tích chính sách công.

Từ năm 2005, Dự án về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Provincial Competitiveness Index, PCI) được thực hiện bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam nhằm đo lường và đánh giá thường niên chất lượng điều hành các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương dưới góc nhìn của doanh nghiệp tư nhân. Chính phủ đã giao trách nhiệm cho các địa phương thực hiện rà soát và đưa ra các giải pháp để cải thiện PCI, đồng thời đặt hàng VCCI tiến hành điều tra, đánh giá độc lập và công bố PCI định kỳ hàng năm (VCCI-USAID, 2018).

Đến năm 2009, Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích Thời gian thực (RTA) và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) đã phối hợp phát triển và cập nhật thường niên Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index, PAPI). PAPI hướng tới việc cải thiện hiệu quả phục vụ nhân dân của chính quyền địa phương nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của nhân dân thông qua việc: (i) tạo cơ hội cho người dân tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền, vận động chính quyền cải thiện cách phục vụ nhân dân; và, (ii) thúc đẩy việc tự đánh giá để đổi mới, tạo tập quán cạnh tranh lành mạnh và văn hóa học hỏi kinh nghiệm giữa các chính quyền địa phương (CECODES & ctg, 2019).

Cũng trong năm 2009, Tran & ctg (2009) đã nghiên cứu về cải cách thể chế ở Việt

Nam và tác động đối với hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Bộ dữ liệu được sử dụng bao gồm Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và dữ liệu doanh nghiệp trong năm 2005. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, sự cạnh tranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ý nghĩa về mặt thống kê trong việc giải thích sự khác biệt về vai trò kinh tế trong quản trị hành chính công ở địa phương. Hiệu quả hoạt động của các công ty được cải thiện nhờ vào ảnh hưởng tích cực của việc cung cấp thông tin thị trường, an toàn về quyền sử dụng đất và hỗ trợ đào tạo lao động. Tuy nhiên, những rào cản tư pháp và cải cách hành chính chưa thực sự tỏ ra hiệu quả trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở Việt Nam.

Gần đây, Vinh & Nhung (2019) đã sử dụng các phương pháp ước lượng OLS, REM, FEM, FGLS để tìm ra những kết quả nghiên cứu tích cực đối với thực trạng phân bổ ngân sách nhà nước. Yếu tố ngân sách nhà nước trong bài viết này đóng vai trò như một yếu tố vốn đầu vào. Mô hình thực nghiệm thêm vào yếu tố đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam (PCI) trong việc xây dựng chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng mô hình kinh doanh. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tương quan không đồng nhất của PCI với tăng trưởng kinh tế địa phương trong các phương pháp ước lượng, bằng chứng thống kê về sự tồn tại mối tương quan dương chỉ được cung cấp bởi phương pháp ước lượng OLS.

Thanh & Hoai (2017) đã lượng hóa tác động của quy mô chính phủ và quản trị công đối với đầu tư tư nhân cho các tỉnh của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2013. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng các chỉ số quản trị công và các thành phần trong đó có tác động tích cực đến tăng trưởng đầu

tư tư nhân, cải thiện hiệu quả chi tiêu công và gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Barbosa & ctg (2016) đã chứng minh rằng nếu chính phủ tăng tính minh bạch và trách nhiệm trong chi tiêu công, đồng nghĩa với việc gia tăng chất lượng quản trị hành chính công, chi phí khu vực công sẽ giảm trong khi vẫn đáp ứng tốt các mục tiêu phát triển kinh tế. Nhấn mạnh tầm quan trọng của thể chế hành chính, liên quan đến tự do dân sự, chất lượng pháp lý và tham nhũng thấp hơn, Percoco (2014) cho rằng chất lượng quản trị công sẽ thúc đẩy nhiều hơn sự tham gia của khu vực tư nhân vào các dự án đối tác công - tư. Chất lượng pháp lý như quyền tài sản, thực thi hợp đồng, giá cả và quy định kinh doanh và thực tiễn lao động cũng có tác động quyết định đến hiệu quả kinh tế và xã hội (Gwartney và Stroup, 2014).

Bên cạnh đó, Nguyen & ctg (2013) và Tran & ctg (2009) cung cấp những bằng chứng hữu ích cho rằng quản trị công và cải cách thể chế có tác động quan trọng đến việc tăng hiệu suất hoạt động của công ty và khuyến khích các doanh nghiệp trong nước hướng tới đổi mới chiến lược kinh doanh để có hiệu quả hơn trong việc cạnh tranh với các công ty nước ngoài. Các khoản đầu tư của các doanh nghiệp đa quốc gia tại các quốc gia mới nổi sẽ phụ thuộc vào cấu trúc quản trị công của chính phủ nước sở tại (Jiang & ctg, 2015). Thực tế, chất lượng quản trị công mà chủ yếu là nhằm để ủng hộ các doanh nghiệp nhà nước được cho là một trong những dấu hiệu của tham nhũng và làm méo mó tính cạnh tranh trong môi trường kinh doanh (Nguyen và van Dijk, 2012).

Do đó, thay vì đầu tư công dần trải và thiếu định hướng, chính phủ các quốc gia nên thiết lập tốt hơn thể chế hành chính mà vận động được nhiều hơn các kênh đầu tư của khu vực tư nhân (Aparicio & ctg, 2016; Braga Tadeu và Moreira Silva, 2013). Chất

lượng quản trị công sẽ thúc đẩy sự gia tăng năng suất biên của đầu tư công, và đồng thời gia tăng năng suất biên của đầu tư tư nhân (Dzhumashev, 2014). Các nghiên cứu gần đây đều cho rằng bên cạnh chi tiêu công, quản trị công và cải cách thể chế cũng là những nhân tố nội sinh quan trọng quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế (Thanh & Hoai, 2017; Neyapti và Arasil, 2016; Nawaz, 2015; Brousseau & ctg, 2011).

Bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích phân tích sâu sắc hơn ảnh hưởng của hoạt động quản trị hành chính công đến sản lượng đầu ra của kinh tế địa phương. Trong khi một vài nghiên cứu trước đây sử dụng bộ dữ liệu GRDP của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vào mô hình phân tích. Bộ dữ liệu này tỏ ra không hiệu quả và được khuyến cáo cần đánh giá lại toàn bộ chuỗi số liệu GRDP tương ứng với cách tính GDP quốc gia. Bằng chứng là, chuỗi số liệu ước tính GRDP năm 2017 chênh lệch so với GDP quốc gia 1.7 lần. Ngày 10/4/2018, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định số 286/QĐ-TCTK về kế hoạch thực hiện điều chỉnh quy mô GDP và GRDP giai đoạn 2010-2017, và đề nghị Cục Thống kê và Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương dừng việc tính toán GRDP, và thực hiện đánh giá lại theo hướng dẫn của Tổng cục Thống kê. Do đó, bài nghiên cứu đề xuất sử dụng chỉ số sản xuất công nghiệp (Industrial Production Index, IPI) để đại diện cho sản lượng đầu ra của kinh tế địa phương. Một trong những lý do chính khiến chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI) thường xuyên được xem là một đại diện tốt cho GDP là vì giá trị gia tăng của sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng đáng kể trong GDP (OECD, 2012).

Mặt khác, mô hình dữ liệu bảng động (Dynamic Panel Data, DPD) và phương pháp ước lượng Sai phân Mô men Tổng quát (Difference Generalized Method of Moments-

DGMM) cũng được đề xuất để xây dựng mô hình thực nghiệm và cung cấp thêm các bằng chứng thống kê, củng cố thêm ý nghĩa kinh tế của những nghiên cứu trước đây.

## 2. Phương pháp nghiên cứu:

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, vận dụng mô hình lý thuyết Cobb và Douglas để nghiên cứu tác động của quản trị hành chính công ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm bộ chỉ số chất lượng quản trị hành chính công và chỉ số năng lực cạnh tranh, đối với kinh tế địa phương. Tác động của quản trị hành chính công được lượng hóa bởi mô hình dữ liệu bảng động (DPD), và tính toán ước lượng bằng phương pháp Sai phân Mômen Tổng quát (D-GMM).

### 2.1. Về mô hình lý thuyết

Cobb và Douglas (1928) đã giới thiệu một mô hình kinh tế học đại diện cho mối quan hệ giữa hai hay nhiều yếu tố đầu và sản lượng đầu ra, hàm Cobb–Douglas, được thể hiện như sau:

$$Y = A[K(\varphi)]^\alpha [L(\theta)]^{1-\alpha} \quad (1)$$

Trong đó:

- Y là năng suất hay sản lượng đầu ra
- $K(\varphi)$  là tích các yếu tố vốn k thứ i

$K(\varphi) = \prod_{i=1}^p k_i^{\varphi_i}$  với  $\varphi_i$  là trọng số của yếu tố vốn k thứ i (2)

- $L(\theta)$  là tích các yếu tố lao động l thứ j

$L(\theta) = \prod_{j=1}^q l_j^{\theta_j}$  với  $\theta_j$  là trọng số của yếu tố lao động thứ j (3)

• A là hệ số nhân tăng trưởng, thể hiện sự tương tác kết hợp giữa yếu tố vốn và lao động. Trong trường hợp của bài nghiên cứu, yếu tố A cũng được hiểu là chất lượng quản trị hành chính công.

Phương trình (1) còn được viết dưới dạng như sau:

$$Y = A(\prod_{i=1}^p k_i^{\varphi_i})^\alpha (\prod_{j=1}^q l_j^{\theta_j})^{1-\alpha} \quad (4)$$

Chuyển hai vế phương trình (4) về dạng logarith tự nhiên:

$$\ln Y = \ln A + \alpha \ln \left( \prod_{i=1}^p k_i^{\varphi_i} \right) + (1 - \alpha) \ln \left( \prod_{j=1}^q l_j^{\theta_j} \right) \quad (5)$$

Khi ấy, phương trình (5) tương đương với:

$$\ln Y = \ln A + \sum_{i=1}^p \alpha \varphi_i \ln(k_i) + \sum_{j=1}^q (1 - \alpha) \times \theta_j \ln(l_j) \quad (6)$$

### 2.2. Về phương pháp ước lượng

Mô hình dữ liệu bảng động (Dynamic Panel Data - DPD) được sử dụng trong bài nghiên cứu nhằm phân tích sâu sắc hơn ảnh hưởng của thông tin lịch sử, quan tâm đến sự tác động của dữ liệu quá khứ của tăng trưởng địa phương, mô hình DPD có dạng như sau:

$$y_{i,t} = X_{i,t}\beta + y_{i,t-1} + \alpha_i + \mu_{i,t} \quad (7)$$

Trong đó,  $y_{i,t}$  là biến phụ thuộc được quan sát ứng với đối tượng i và thời điểm t,  $X_{i,t}$  là vector biến độc lập tại thời điểm t,  $\alpha_i$  là ảnh hưởng riêng của từng đối tượng không thay đổi theo thời gian và không quan sát được,  $\mu_{i,t}$  là sai số ngẫu nhiên.

Phương pháp ước lượng OLS sử dụng trong mô hình dạng bảng động thu được các hệ số ước lượng bị chệch do vấn đề nội sinh trong mô hình không thể loại bỏ. Arellano và Bond (1991) đã đề nghị dùng mô hình GMM sai phân (Difference-GMM hay D-GMM) do Hansen (1982) phát triển, đồng thời sử dụng độ trễ từ bậc hai của biến phụ thuộc và biến giải thích đóng vai trò như các biến công cụ để kiểm soát vấn đề nội sinh tiềm ẩn trong mô hình nghiên cứu thực nghiệm. Việc lấy sai phân của mô hình sẽ giúp loại bỏ được

ảnh hưởng tương quan giữa phần dư và các biến giải thích.

Phương pháp D-GMM được cho là hiệu quả hơn so với phương pháp ước lượng OLS, FEM, REM vì dễ dàng thỏa mãn các giả thiết ước lượng thông qua các phương trình điều kiện moment. Các phương trình điều kiện moment xác định các ràng buộc ngoại sinh giữa sai số trong mô hình với các biến công cụ được sử dụng. Trong trường hợp mẫu quan sát đủ lớn, hệ số ước lượng bằng phương pháp D-GMM tiệm cận với ước lượng thu được từ phương pháp bình phương bé nhất (OLS) và phương pháp cực đại hàm hợp lý (MLE).

Kiểm định Sargan và kiểm định Arellano - Bond cũng được sử dụng. Trong đó, kiểm định Sargan được thực hiện nhằm kiểm tra điều kiện ngoại sinh đồng thời của các biến công cụ. Do mô hình được xây dựng dựa trên phép chuyển đổi sai phân, vấn đề tự tương quan bậc nhất được chấp nhận một cách hiển nhiên. Vấn đề tự tương quan bậc hai được kiểm tra thông qua kiểm định Arellano - Bond được đề xuất bởi Arellano và Bond (1991).

### 2.3. Về mô hình thực nghiệm:

Bài nghiên cứu xem xét 2 yếu tố: vốn địa phương (Localsize) và vốn tư nhân (Private) là yếu tố vốn (k) đầu vào; vốn lao động (l) là lực lượng lao động (Labor). Phương trình (6) được phân tích như sau :

$$\ln Y = \ln A + \alpha \varphi_1 \ln(\text{Localsize}) + \alpha \varphi_2 \ln(\text{Private}) + (1 - \alpha) \theta_1 \ln(\text{Labor}) \quad (8)$$

Dựa trên mô hình lý thuyết được xây dựng ở phương trình (7) và (8), ba mô hình thực nghiệm dạng bảng động (DPD) xem xét ảnh hưởng của chất lượng quản trị hành chính công đến tăng trưởng kinh tế địa phương được xây dựng lần lượt như sau:

$$\ln \text{IPI}_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \ln \text{IPI}_{i,t-1} + \beta_2 \ln \text{Localsize}_{i,t} + \beta_3 \ln \text{Private}_{i,t} + \beta_4 \ln \text{Labor}_{i,t} + \beta_5 \ln \text{PCI}_{i,t} + \mu_i + \varepsilon_{it} \quad (9)$$

$$\ln \text{IPI}_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \ln \text{IPI}_{i,t-1} + \beta_2 \ln \text{Localsize}_{i,t} + \beta_3 \ln \text{Private}_{i,t} + \beta_4 \ln \text{Labor}_{i,t} + \beta_5 \ln \text{PAPI}_{i,t} + \mu_i + \varepsilon_{it} \quad (10)$$

$$\ln \text{IPI}_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 \ln \text{IPI}_{i,t-1} + \beta_2 \ln \text{Localsize}_{i,t} + \beta_3 \ln \text{Private}_{i,t} + \beta_4 \ln \text{Labor}_{i,t} + \sum_{j=1}^6 \beta_{j+4} \ln \text{PAPISub}_{j,i,t} + \mu_i + \varepsilon_{it} \quad (11)$$

Trong đó:

- $\mu_i \sim \text{i.i.d.}(0, \sigma_{\mu_i}), \varepsilon_{it} \sim \text{i.i.d.}(0, \sigma_{\varepsilon_t})$ ,

$E[\mu_i \varepsilon_{it}] = 0$ ;

- $i$ : là các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  $t$ : là năm (2012-2018);

- $\ln \text{IPI}_{i,t}$ : là chỉ số sản xuất công nghiệp, đại diện cho tăng trưởng kinh tế địa phương.

- $\ln \text{Localsize}_{i,t}$ : là chỉ tiêu ngân sách địa phương.

- $\ln \text{Private}_{i,t}$ : là tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế ở địa phương.

- $\ln \text{Labor}_{i,t}$ : là lực lượng lao động.

- $\ln \text{PCI}_{i,t}$ : là Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh.

- $\ln \text{PAPI}_{i,t}$ : là Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh

- $\ln \text{PAPISub}_{j,i,t}$ : là bộ sáu chỉ số nội

dung cấu thành nên PAPI.

### 2.4. Về dữ liệu nghiên cứu:

Bảng 1 mô tả ý nghĩa và nguồn thu thập dữ liệu các biến trong mô hình thực nghiệm. Bộ dữ liệu được thu thập trên 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ năm 2012 đến năm 2018. Hầu hết dữ liệu nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ số liệu và báo cáo của Tổng cục Thống kê và Bộ Tài chính Việt Nam. Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được thu thập thông qua các trang thông tin điện tử mã nguồn mở và miễn phí tiếp cận.

Bảng 1:

Mô tả và giải thích ý nghĩa các biến được sử dụng trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Giải thích ý nghĩa các biến	Nguồn thu thập dữ liệu
Chỉ số sản xuất công nghiệp	IPI	Đại diện cho tăng trưởng kinh tế địa phương.	Tổng cục Thống kê Việt Nam
Vốn địa phương	Localsize	Chi ngân sách địa phương là một đại diện cho vốn khu vực công	Bộ Tài chính
Vốn tư nhân	Private	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế ở địa phương	Tổng cục Thống kê Việt Nam
Lực lượng lao động	Labor	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo địa phương	Tổng cục Thống kê Việt Nam
Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Cấp tỉnh	PCI	Ước tính thông qua 10 chỉ số thành phần là: (i) Gia nhập thị trường; (ii) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất; (iii) Tính minh bạch; (iv) Chi phí thời gian; (v) Chi phí không chính thức; (vi) Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh; (vii) Cạnh tranh bình đẳng; (viii) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; (ix) Đào tạo lao động; (x) Thiết chế pháp lý.	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tại Việt Nam. <a href="http://pcivietnam.org/">http://pcivietnam.org/</a>
Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh	PAPI	Tổng phi trọng số của 06 chỉ số nội dung, số liệu PAPI năm 2018 không bao gồm hai chỉ số mới được thêm vào là Quản trị môi trường và Quản trị điện tử:	<a href="http://papi.org.vn/">http://papi.org.vn/</a>
	$PAPI_{i,t} = \sum_{j=1}^6 \ln PAPI_{sub;j,t}$	Bao gồm 06 chỉ số nội dung là: (j=1) Tham gia của người dân ở cấp cơ sở (PLL); (j=2) Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định (Trans); (j=3) Trách nhiệm giải trình với người dân (VA); (j=4) Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (COC); (j=5) Thủ tục hành chính công (PAP); (j=6) Cung ứng dịch vụ công (PSD) (CECODES, 2019).	

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

### 3. Kết quả và thảo luận

Bảng 2:

*Kết quả ước lượng mô hình thực nghiệm*

Biến phụ thuộc: lnIPI	Mô hình (9)	Mô hình (10)	Mô hình (11)
$\ln IPI_{t-1}$	0,0589***	0,0720***	0,0891***
lnLocalsize	-0,0182	0,0562***	0,0463***
lnPrivate	-0,0456**	-0,0486*	-0,0099
lnLabor	0,2182	0,4275**	0,2789*
lnPCI	0,5680***		
lnPAPI		0,3243***	
lnPLL			0,3150***
lnTrans			-0,1977***
lnVA			0,1261***
lnCOC			-0,0204
lnPAP			-0,1126
lnPSD			-0,0021
-----			
Số biến công cụ được sử dụng	49	49	54
Kiểm định Sargan	0,284	0,184	0,772
AR(2)	0,673	0,408	0,320
Số quan sát	315	315	315
Số tỉnh thành	63	63	63

*Ghi chú: \*\*\*, \*\*, \* thể hiện ý nghĩa thống kê tương ứng lần lượt ở 1%, 5%, 10%; N là kích thước mẫu; N<sub>g</sub> là số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia trong mẫu nghiên cứu; Kiểm định Sargan trình bày giá trị p\_value của thống kê kiểm định Sargan; AR(2) trình bày giá trị p\_value tự tương quan bậc 2 của kiểm định Arellano-Bond.*

*Nguồn:* Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả kiểm định Sargan thu được chưa đủ cơ sở để bác bỏ giả thiết H<sub>0</sub> (Giả thiết H<sub>0</sub> là tất cả các biến công cụ trong mô hình được xem là ngoại sinh) ở các mức ý nghĩa 1%, 5%, 10%, lần lượt là 0,284; 0,184 và 0,772 ở Mô hình (9), (10) và (11). Tập các biến công cụ được sử dụng trong các mô hình được cho là ngoại sinh. Đồng thời, AR(2) cho thấy hiện tượng tự tương quan bậc 2 cũng không xảy ra ở cả ba Mô hình (9), (10) và (11).

Nhìn chung, sự tăng trưởng kinh tế địa phương được duy trì mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu

sắc bởi những thuận lợi vốn có của địa phương đó. Độ trễ của Chỉ số Sản xuất Công nghiệp ( $\ln IPI_{t-1}$ ) đều có ý nghĩa thống kê ở mức 1% ở cả ba mô hình thực nghiệm (Bảng 2).

Một trong những điểm nổi bật của kết quả nghiên cứu là các đại diện cho chất lượng quản trị hành chính công có thể giải thích mạnh mẽ cho sự thay đổi của kinh tế địa phương. Hệ số ước lượng của Chỉ số Năng lực Cạnh tranh (lnPCI) là 0,5680 và của Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (lnPAPI) là 0,3243, đều có ý nghĩa thống

kê ở mức ý nghĩa 1%. Khi phân tích sâu hơn về các chỉ số nội dung cấu thành nên PAPI, kết quả nghiên cứu tìm thấy bằng chứng thống kê đều ở mức ý nghĩa 1% về ảnh hưởng của các chỉ số Tham gia của người dân ở cấp cơ sở (lnPLL), Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định (lnTrans) và Trách nhiệm giải trình với người dân (lnVA).

Trong khi động thái của chính quyền cơ sở nhằm vào mục tiêu giảm bớt việc sử dụng áp lực để buộc công dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, hoặc ngày công lao động cho dự án cơ sở hạ tầng, từ đó người dân chủ động hơn trong việc quyết định tham gia đóng góp tự nguyện cho dự án phát triển hạ tầng ở địa phương. Vô hình chung, thái độ tích cực của người dân đối với chính quyền thúc đẩy sự phát triển của kinh tế địa phương. Điều này giải thích cho hệ số ước lượng 0,3150 của lnPLL ở mức ý nghĩa 1% thu được từ Mô hình (11).

Bên cạnh đó, bởi hệ số ước lượng là -0,1977 có ý nghĩa thống kê ở mức 1% cùng chiều hướng âm được ghi nhận, kết quả nghiên cứu ở Bảng 2 chưa có bằng chứng lạc quan về vai trò của sự hài lòng của người dân đối với mức độ công khai, minh bạch (Trans) của chính quyền địa phương trong việc tổ chức lập danh sách hộ nghèo và chia sẻ thông tin thu, chi ngân sách. Mặc dù, sự công khai, minh bạch đem lại nhiều lợi ích về mặt xã hội nhưng lại tác động ngược chiều đối với kinh tế địa phương, một phần vì ảnh hưởng mạnh mẽ do tăng trưởng không bền vững từ việc hưởng lợi thông qua thông tin bất cân xứng, đầu cơ tích trữ và kinh doanh chênh lệch giá.

Kết quả nghiên cứu cho thấy một ảnh hưởng đáng lưu ý là hệ số ước lượng của Trách nhiệm giải trình với người dân (lnVA) tương ứng 0,1261 với ý nghĩa thống kê 1%. Rõ ràng cuộc tiếp xúc giữa người dân và chính quyền trong trường hợp này mang lại

một số kết quả hài hòa giữa hai bên thì cũng góp phần đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế địa phương.

Về ảnh hưởng của các yếu tố vốn, hệ số ước lượng của Vốn địa phương (lnLocalsize) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% đối với Mô hình (10) và (11), phản ánh mối tương quan cùng chiều lên kinh tế địa phương. Hàm ý rằng, Vốn địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích sự tăng trưởng kinh tế địa phương. Tuy nhiên, kết quả về mặt thống kê cũng cho thấy vốn địa phương chưa hỗ trợ tốt cho ảnh hưởng của Vốn tư nhân (lnPrivate) lên tăng trưởng kinh tế cấp tỉnh. Bằng chứng là, tác động nghịch chiều được tìm thấy ở Mô hình (9) và Mô hình (10) lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và 10%. Hiệu ứng này làm cho vốn địa phương và vốn tư nhân có xu hướng triệt tiêu lẫn nhau. Kết quả này đồng thời ủng hộ cho kết quả nghiên cứu của Vinh & Nhung (2019) về ảnh hưởng cùng chiều của chi ngân sách địa phương được ghi nhận nhưng tỏ ra không hiệu quả trong việc phân bổ các nguồn lực xã hội.

Về ảnh hưởng của yếu tố lao động, hệ số ước lượng của Lực lượng lao động (lnLabor) là 0,4275 và 0,2789, có ý nghĩa thống kê lần lượt ở mức 5% và 10% đối với Mô hình (10) và (11). Kết quả nghiên cứu thu được phù hợp với nghiên cứu gần đây của Vinh & Nhung (2019). Cuối cùng, bằng chứng thống kê của Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (lnCOC); Thủ tục hành chính công (lnPAP) và Cung ứng dịch vụ công (lnPSD) vẫn chưa được tìm thấy.

#### 4. Kết luận

Với mô hình nghiên cứu ở dạng dữ liệu bảng động, nghiên cứu xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến kinh tế địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2012-2018. Mục tiêu của nghiên cứu chủ yếu là đánh giá tác động của quản trị hành chính công đến kinh tế địa



phương ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả ước lượng thấy rằng, PCI và PAPI đều là những chỉ số đo lường hiệu quả thể chế có tác động tích cực đối với kinh tế các tỉnh nói riêng và tăng trưởng kinh tế Việt Nam nói chung.

Từ kết quả nghiên cứu trên, sự cải thiện các chỉ số PCI, PAPI nhằm góp phần tăng trưởng nền kinh tế địa phương thông qua các chỉ số thành phần và nội dung của PCI, PAPI là phương diện được xem xét khi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Một trong những giới hạn của phạm vi nghiên cứu là chưa làm rõ hai chỉ số nội dung mới được thêm vào PAPI từ năm 2018 là Quản trị môi trường và Quản trị điện tử vì độ dài dữ liệu được phân tích và kinh nghiệm thực tiễn về hai chỉ số nội dung này mới chỉ ở bước đầu triển khai tính toán. Nghiên cứu sẽ được thực hiện mở rộng trong tương lai, với chiều hướng đánh giá và cung cấp thêm những bằng chứng thống kê hữu ích về những mối quan hệ phát sinh bởi hai chỉ số Quản trị môi trường và Quản trị điện tử.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aparicio, S., Urbano, D., & Audretsch, D. (2016). Institutional factors, opportunity entrepreneurship and economic growth: Panel data evidence. *Technological Forecasting and Social Change*, 102, 45–61.
- Arellano, M., & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence & an application to employment equations. *The Review of Economic Studies*, 58(2), 277–297.
- Barbosa, D., Carvalho, V. M., & Pereira, P. J. (2016). Public stimulus for private investment: An extended real options model. *Economic Modelling*, 52, 742–748.
- Braga Tadeu, H. F., & Moreira Silva, J. T. (2013). The determinants of the long term private investment in Brazil: An Empirical analysis using cross-section and a Monte Carlo simulation. *Journal of Economics Finance and Administrative Science*, 18, 11–17.
- Brousseau, E., Garrouste, P., & Raynaud, E. (2011). Institutional changes: Alternative theories and consequences for institutional design. *Journal of Economic Behavior & Organization*, 79(2), 3–19.
- CECODES, VFF-CRT, RTA, & UNDP (2019). Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2019: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân. *Báo cáo nghiên cứu chính sách chung của Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích Thời gian thực và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP)*, Hà Nội, Việt Nam. Đăng tại: <http://papi.org.vn/bao-cao-va-du-lieu-papi/>
- Cobb, C.W., & Douglas P. H. (1928). A Theory of Production. *American Economic Review*, 18, 139–165.
- Dzhumashev, R. (2014). Corruption and growth: The role of governance, public spending, and economic development. *Economic Modelling*, 37, 202–215.
- Gwartney, J. D., & Stroup, R. (2014). Public choice: Gaining from government and government failure. In J. D. Gwartney, & R. Stroup (Eds.), *Macroeconomics (Third Edition)*, Academic Press, 455–475.
- Hansen, L. (1982). Large Sample Properties of Generalized Method of Moments Estimators. *Econometrica*, 50, 1029–1054.

- Jiang, Y., Peng, M. W., Yang, X., & Mutlu, C. C. (2015). Privatization, governance, and survival: MNE investments in private participation projects in emerging economies. *Journal of World Business*, 50(2), 294–301.
- Manning, N., Kraan, D.-J., & Malinska, J. (2006). How and why should government activity be measured in “Government at a glance”? *Project on Management in Government, Organization for Economic Cooperation and Development*.
- Nawaz, S. (2015). Growth effects of institutions: A disaggregated analysis. *Economic Modelling*, 45, 118–126.
- Neyapti, B., & Arasil, Y. (2016). The nexus of economic and institutional evolution. *Economic Modelling*, 52, 574–582.
- Nguyen, T. T., & van Dijk, M. A. (2012). Corruption, growth, and governance: Private vs. state-owned firms in Vietnam. *Journal of Banking & Finance*, 36(11), 2935–2948.
- Nguyen, T. V., Le, N. T. B., & Bryant, S. E. (2013). Sub-national institutions, firm strategies, and firm performance: A multilevel study of private manufacturing firms in Vietnam. *Journal of World Business*, 48(1), 68–76.
- OECD (2012). Transition of the OECD CLI System to a GDP-based business cycle target, *Composite Leading Indicators Background note*. Available at: <http://www.oecd.org/sdd/leading-indicators/49985449.pdf>.
- Percoco, M. (2014). Quality of institutions and private participation in transport infrastructure investment: Evidence from developing countries. *Transportation Research Part A: Policy and Practice*, 70, 50–58.
- Rotberg, R. (2004). Strengthening governance: Ranking countries would help. *Washington Quarterly*, 28(1), 71–81.
- Thanh, D. S., & Hoai, N. T. M. (2017). Government size, public governance and private investment: The case of Vietnamese provinces. *Economic Systems*, 41(4), 651–666.
- Tran, T. B., Grafton, R. Q., & Kompas, T. (2009). Institutions matter: The case of Vietnam. *The Journal of Socio-Economics*, 38(1), 1–12.
- VCCI-USAID (2018). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, PCI 2018, *Báo cáo năm 2018 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*, Hà Nội, Việt Nam. Đăng tại: <http://pci2018.pcivietnam.vn/>
- Vinh, N. T., & Nhung, N. C. (2019). Thực trạng hiệu quả phân bổ ngân sách nhà nước ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Kinh tế và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 35(3), 1–10. Đăng tại: <https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4260>.